

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP HỒ CHÍ MINH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP **KỸ THUẬT XÂY DỰNG**

TP. Hồ Chí Minh – Năm 2019

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-LTT-ĐT, ngày 31 tháng 7 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)*

Tên ngành, nghề: KỸ THUẬT XÂY DỰNG

Mã ngành, nghề: 5580201

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy (Tín chỉ)

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THCS

Thời gian đào tạo: 03 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo nhân viên trình độ Trung cấp ngành Kỹ thuật xây dựng có phẩm chất chính trị, có sức khỏe, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn tương ứng để đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực cho ngành, nghề xây dựng và yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Yêu cầu về kiến thức:

- + Trình bày được những nội dung cơ bản về chính trị, pháp luật của Nhà nước;
- + Đọc được bản vẽ thiết kế, tính toán được khối lượng các công việc;
- + Trình bày được các kiến thức cơ sở và chuyên môn của các công việc ngành, nghề Kỹ thuật xây dựng (đào móng, xây gạch, trát, lát, láng, ốp, gia công, lắp dựng và tháo dỡ cốp pha, giàn giáo, gia công lắp đặt cốt thép, trộn đổ đầm bê tông, lắp đặt thiết bị vệ sinh, bả mạ tít, sơn vôi) nhằm phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm và hạ giá thành sản phẩm;
- + Nêu được quy trình thi công các công việc được giao thực hiện;
- + Nêu được ứng dụng một số thành tựu kỹ thuật - công nghệ, vật liệu mới ở một phạm vi nhất định vào thực tế nơi làm việc;
- + Tổ chức sản xuất và tìm kiếm việc làm
- + Đạt trình độ ngoại ngữ, tin học, giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất theo quy định;

1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng:

- + Đọc được bản vẽ kỹ thuật và phát hiện được các lỗi thông thường của bản vẽ kỹ thuật;

+ Sử dụng được các loại máy, dụng cụ và một số thiết bị chuyên dùng cơ bản trong ngành, nghề xây dựng;

+ Làm được các công việc của ngành, nghề kỹ thuật xây dựng như: đào móng, xây gạch, trát, lát, láng, ốp, gia công, lắp dựng và tháo dỡ cốt pha, giàn giáo, gia công lắp đặt cốt thép, trộn đổ đầm bê tông, lắp đặt thiết bị vệ sinh, bệ mát tít, sơn vôi và một số công việc khác: lắp đặt mạng điện sinh hoạt, lắp đặt đường ống cấp, thoát nước trong nhà;

+ Xử lý được một số sai phạm nhỏ thường gặp trong quá trình thi công;

1.2.3. Yêu cầu về thái độ:

+ Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân: vận dụng các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào lĩnh vực xây dựng; cần cù chịu khó và sáng tạo, trách nhiệm trong nghề nghiệp; hiểu và thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi của người công dân đối với đất nước;

+ Tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ: Làm việc khoa học, trung thực, cẩn thận, tận tâm với công việc;

+ Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc: Không ngừng học tập nâng cao trình độ; ứng dụng những tiến bộ khoa học công nghệ mới vào công việc nhằm tạo ra các sản phẩm có chất lượng, giá trị kinh tế cao.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp làm việc tại:

+ Các doanh nghiệp xây dựng;

+ Làm thợ thực hiện các công việc của ngành, nghề xây dựng;

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: **45**

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: **139** tín chỉ

- Khối lượng các môn học văn hóa: **1110** giờ

- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: **315** giờ

- Khối lượng các môn học chuyên môn: **1095** giờ

- Khối lượng lý thuyết: **557** giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: **853** giờ

- Thời gian khóa học: **03** năm

3. Nội dung chương trình:

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung/ đại cương	19	315	149	148	18

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
CTT402	Giáo dục Chính trị	2(1,1,3)	30	15	13	2
CTT406	Pháp luật	1(1,0,2)	15	9	5	1
CBT424	Giáo dục thể chất (*)	1(0,1,1)	30	4	24	2
CBT417	Giáo dục Quốc phòng và An ninh (*)	3(2,1,5)	45	21	21	3
TTT4200	Tin học	3(1,2,3)	45	15	29	1
CBT441	Tiếng anh 1	3(1,2,3)	60	20	30	2
CBT442	Tiếng anh 2	2(1,1,3)	30	10	26	2
KTT401	Kỹ năng mềm (*)	4(4,0,8)	60	55		5
II	Các môn học văn hóa	74	1110	1074	0	36
CBT401	Toán 1	4(4,0,8)	60	58		2
CBT405	Toán 2	4(4,0,8)	60	58		2
CBT409	Toán 3	4(4,0,8)	60	58		2
CBT413	Toán 4	4(4,0,8)	60	58		2
CBT419	Toán 5	5(5,0,10)	75	73		2
CBT420	Toán 6	5(5,0,10)	75	73		2
CBT402	Vật lí 1	4(4,0,8)	60	58		2
CBT406	Vật lí 2	4(4,0,8)	60	58		2
CBT410	Vật lí 3	4(4,0,8)	60	58		2
CBT414	Vật lí 4	4(4,0,8)	60	58		2
CBT404	Ngữ văn 1	4(4,0,8)	60	58		2
CBT408	Ngữ văn 2	4(4,0,8)	60	58		2
CBT412	Ngữ văn 3	4(4,0,8)	60	58		2
CBT416	Ngữ văn 4	4(4,0,8)	60	58		2
CBT403	Hóa học 1	4(4,0,8)	60	58		2
CBT407	Hóa học 2	4(4,0,8)	60	58		2
CBT411	Hóa học 3	4(4,0,8)	60	58		2
CBT415	Hóa học 4	4(4,0,8)	60	58		2
III	Các môn học chuyên môn ngành, nghề	46	1095	368	705	22

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
III.1	Môn học cơ sở ngành, nghề	16	270	200	60	10
XDT426	Vẽ kỹ thuật	4(4,0,8)	60	58		2
XDT429	Vật liệu xây dựng	2(2,0,4)	30	28		2
XDT448	Địa chất, cơ đất, nền móng	3(3,0,6)	45	43		2
XDT449	Cơ học xây dựng	3(3,0,6)	45	43		2
XDT450	Trắc địa đại cương	2(2,0,4)	30	28		2
XDT451	Thực hành trắc địa	2(0,2,1)	60		60	
III.2	Môn học chuyên môn ngành, nghề	26	735	140	585	10
XDT432	Kết cấu bê tông - cốt thép	3(2,1,5)	60	28	30	2
XDT452	Kỹ thuật thi công	3(2,1,5)	60	28	30	2
XDT437	Hệ thống điện, nước và thiết bị chống sét	2(2,0,4)	30	28		2
XDT453	An toàn lao động	2(2,0,4)	30	28		2
XDT428	Kiến trúc công trình	2(2,0,4)	30	28		2
XDT454	Thực hành tay nghề 1 (**)	3(0,3,2)	90		90	
XDT455	Thực hành tay nghề 2	4(0,4,2)	120		120	
XDT442	Đồ án kết cấu bê tông cốt thép	1(0,1,0)	45		45	
XDT443	Thực tập tốt nghiệp (**)	6(0,6,0)	270		270	
III.3	Môn học tự chọn	4	90	28	60	2
XDT456	Máy xây dựng	2(2,0,4)	30	28		2
XDT457	Thực hành tin học ứng dụng trong xây dựng	2(0,2,1)	60		60	
XDT458	Kết cấu thép	2(2,0,4)	30	28		2
XDT459	Thực hành Dự toán công trình	2(0,2,1)	60		60	
	Tổng cộng	139	2520	1591	853	76

Các học phần được gắn dấu (*), Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và An ninh và Kỹ năng mềm không tính vào điểm trung bình chung học tập nhưng là học phần điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp. Các môn học được gắn dấu (**) là các môn học học tập tại Doanh nghiệp.

4. Kế hoạch giảng dạy:

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã môn học: Học trước (a) Song hành (b)	Ghi chú
		Học kỳ 1	18		
<i>Môn học bắt buộc</i>			18		
1	CBT404	Ngữ văn 1	4(4,0,8)		
2	CBT401	Toán 1	4(4,0,8)		
3	KTT401	Kỹ năng mềm (*)	4(4,0,8)		
4	XDT426	Vẽ kỹ thuật	4(4,0,8)		
5	XDT429	Vật liệu xây dựng	2(2,0,4)		
<i>Môn học tự chọn</i>			0		
		Học kỳ 2	23		
<i>Môn học bắt buộc</i>			23		
1	CTT402	Giáo dục Chính trị	2(1,1,3)		
2	CTT406	Pháp luật	1(1,0,2)		
3	CBT424	Giáo dục thể chất (*)	1(0,1,1)		
4	CBT417	Giáo dục Quốc phòng và An ninh (*)	3(2,1,5)		
5	CBT405	Toán 2	4(4,0,8)	CBT401(a)	
6	CBT402	Vật lí 1	4(4,0,8)		
7	CBT408	Ngữ văn 2	4(4,0,8)	CBT404(a)	
8	XDT450	Trắc địa đại cương	2(2,0,4)		
9	XDT451	Thực hành trắc địa	2(0,2,1)	XDT450(b)	
<i>Môn học tự chọn</i>			0		
Học kỳ 3			24		
<i>Môn học bắt buộc</i>			24		
1	CBT403	Hóa học 1	4(4,0,8)		
2	CBT409	Toán 3	4(4,0,8)	CBT405(a)	
3	CBT406	Vật lí 2	4(4,0,8)	CBT402(a)	
4	CBT412	Ngữ văn 3	4(4,0,8)	CBT408(a)	
5	XDT448	Địa chất, cơ đất, nền móng	3(3,0,6)		
6	XDT452	Kỹ thuật thi công	3(2,1,5)		
7	XDT428	Kiến trúc công trình	2(2,0,4)		
<i>Môn học tự chọn</i>			0		
		Học kỳ 4	26		
<i>Môn học bắt buộc</i>			26		
1	CBT407	Hóa học 2	4(4,0,8)	CBT403(a)	
2	CBT416	Ngữ văn 4	4(4,0,8)	CBT412(a)	

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã môn học: Học trước (a) Song hành (b)	Ghi chú
3	CBT413	Toán 4	4(4,0,8)	CBT409(a)	
4	CBT410	Vật lí 3	4(4,0,8)	CBT406(a)	
5	TTT4200	Tin học	3(1,2,3)		
6	XDT453	An toàn lao động	2(2,0,4)		
7	XDT449	Cơ học xây dựng	3(3,0,6)		
8	XDT437	Hệ thống điện, nước và thiết bị chống sét	2(2,0,4)		
<i>Môn học tự chọn</i>			0		
		Học kỳ 5	25		
<i>Môn học bắt buộc</i>			23		
1	CBT411	Hóa học 3	4(4,0,8)	CBT407(a)	
2	CBT414	Vật lí 4	4(4,0,8)	CBT410(a)	
3	CBT419	Toán 5	5(5,0,10)	CBT413(a)	
4	CBT441	Tiếng Anh 1	3(1,2,3)		
5	XDT432	Kết cấu bê tông - cốt thép	3(2,1,5)	XDT449(a)	
6	XDT442	Đồ án kết cấu bê tông cốt thép	1(0,1,0)	XDT432(b)	
7	XDT454	Thực hành tay nghề 1 (**)	3(0,3,2)		
<i>Môn học tự chọn (chọn 1 trong 2 môn học)</i>			2		
8	XDT456	Máy xây dựng	2(2,0,4)		
9	XDT458	Kết cấu thép	2(2,0,4)	XDT449(a)	
		Học kỳ 6	23		
<i>Môn học bắt buộc</i>			21		
1	CBT415	Hóa học 4	4(4,0,8)	CBT411(a)	
2	CBT420	Toán 6	5(5,0,10)	CBT419(a)	
3	CBT442	Tiếng Anh 2	2(1,1,3)		
4	XDT455	Thực hành tay nghề 2	4(0,4,2)	XDT454(a)	
5	XDT443	Thực tập tốt nghiệp (**)	6(0,6,0)		
<i>Môn học tự chọn (chọn 1 trong 2 môn học)</i>			2		
6	XDT457	Thực hành tin học ứng dụng trong xây dựng	2(0,2,1)		
7	XDT459	Thực hành Dự toán công trình	2(0,2,1)		
	Tổng cộng		139		

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

5.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, nhà trường bố trí tham quan một số cơ sở sản xuất, kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp.

5.2. Hướng dẫn kiểm tra hết môn học:

Thực hiện theo Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP. HCM.

5.3. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

Xét công nhận tốt nghiệp thực hiện theo Quyết định số 696/QĐ-LTT-ĐT ngày 26 tháng 6 năm 2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trung cấp cho những học sinh đủ điều kiện tốt nghiệp.

5.4. Các chú ý khác (nếu có)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc